

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:59/2024/DS-ST

Ngày:29/7/2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng
phường, hội, họ”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện

Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Ông Vi Đăng Khoa– Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/7/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số:09/2024/TLST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng phường, hội, họ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968. Có mặt

Nơi thường trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

* **Bị đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1987. Có mặt

Nơi thường trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986. Có mặt

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967. Có mặt

Đều nơi thường trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn S1 trình bày:

Ông S1 ở cùng làng và có mối quan hệ họ hàng với gia đình chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T. Vì vậy, khi biết ông gom những người chơi phường thì chị H đã tham gia chơi phường do ông S1 làm chủ phường rất nhiều lần. Những lần trước thì hai bên thanh toán tiền phường gốc và tiền phường lãi đầy đủ. Đến vòn

tiếp theo từ tháng 3/2022 đến tháng 8/2023 chị **H** chơi phường cùng với ông và một số người khác do ông làm chủ phường, tổng số 17 người chơi. Theo nghị quyết phường của những người chơi phường thì mọi người chơi phường phải đóng tiền phường cho ông **S1**, sau đó ông cho những người chơi phường cùng lấy phường. Mỗi xuất phường chơi thỏa thuận là 5.000.000 đồng một suất phường/01 tháng, nếu ai lấy phường trước thì phải đóng là 5.500.000 đồng cho đến hết vòng chơi phường, mỗi tháng đóng tiền một lần vào ngày 30 dương lịch hàng tháng, trong đó có chị **H** chơi 01 suất phường trong 17 suất phường. Chị **H** là người lấy tiền phường thứ hai là tháng 5/2022, sau khi **H** lấy phường thì từ tháng 6/2022 đến hết tháng 3/2023 chị **H** đã đóng tiền phường gốc và tiền lãi cho ông **S1** đầy đủ là 12 xuất phường. Từ tháng 4/2023 đến hết tháng 8/2023 (khi phường chơi kết thúc) chị **H** đã không đóng tiền phường là 05 xuất phường số tiền là 27.500.000 đồng cho ông **S1**, ông **S1** đã phải tự bỏ tiền của gia đình ông để đóng phường cho chị **H** số tiền là 27.500.000 đồng, ông đã đòi chị **H** nhiều lần nhưng chị **H** không trả cho ông.

Tại đơn khởi kiện ông **S1** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị **Lê Thị H** và anh **Nguyễn Văn T** phải trả lại cho ông sinh số tiền phường 27.500.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông **S1** xác định khi chơi phường thì anh **T** không đóng tiền phường cho ông lần nào và khi lấy phường anh **T** cũng không đến lấy tiền, từ khi chơi đến khi kết thúc vòng chơi phường thì ông cũng không nói cho anh **T** biết việc chị **H** chơi phường với ông.

Nay ông rút một phần yêu cầu đối với yêu cầu anh **Nguyễn Văn T** có nghĩa vụ cùng chị **H** trả ông số tiền phường nêu trên. Ông chỉ yêu cầu chị **H** trả tiền cho vợ chồng ông.

*** Bị đơn chị Lê Thị H tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay có lời khai trình bày.**

Chị xác định có tham gia chơi phường với ông **S1**, khi chơi phường thì chị chỉ biết ông **S1** là chủ phường, còn những người chơi đều không biết nhau. Khi chơi thì ông **S1** nói có 17 người chơi, mỗi xuất phường là 5.000.000 đồng/tháng, nếu ai lấy phường trước thì phải đóng cho người lấy sau 5.500.000 đồng /tháng đến khi hết số người chơi. Chị **H** là người lấy phường thứ 02, quá trình chơi phường chị đã đóng cho ông **S1** được 12 xuất, từ tháng 4 năm 2023 đến tháng 8/2023 còn thiếu 05 xuất phường là 27.500.000 đồng chị chưa đóng cho ông **S1** để ông **S1** trả cho người chơi phường, ông **S1** đã đóng thay chị những xuất phường còn thiếu.

Nay chị đồng ý trả ông **S1** số tiền phường còn thiếu là 27.500.000 đồng nhưng xin trả dần và không đồng ý việc ông **S1** yêu cầu chồng chị là anh **T** cùng trả vì khi chơi phường anh **T** không biết, chị không sử dụng tiền chơi phường vào việc gia đình mà chị sử dụng vào việc chơi tiền ảo trên mạng dẫn đến bị lừa hết số tiền này.

Tại phiên tòa hôm nay chị **H** đồng ý trả cho ông **S1** số tiền là 27.500.000 đồng nhưng xin trả dần.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị L** tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay trình bày :

Bà là vợ ông **Nguyễn S**, chị **H** là người cùng thôn và có quan hệ họ hàng xa với vợ chồng bà. Năm 2022 chị **H** có tham gia chơi phường với ông **S** chồng bà. Quá trình chơi phường chị **H** đã lấy phường nhưng không đóng đầy đủ, vợ chồng ông bà đã đóng cho chị **H** số tiền 27.500.000 đồng,

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc chị H trả vợ chồng bà số tiền đã đóng cho chị H là 27.500.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông **S** rút yêu cầu buộc anh **T** là chồng chị **H** trả cùng chị **H** bà đồng ý với việc rút yêu cầu của ông **S** đối với anh **T**.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Văn T** tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay trình bày:

Anh là chồng chị Lê Thị H, việc chị H chơi phường với ông S như nào anh không biết, đến thời điểm Tòa án thông báo cho anh về việc Tòa án thụ lý vụ án do ông S khởi kiện chị H anh mới biết. Anh xác định từ trước đến nay ông S chưa bao giờ nói cho anh biết việc chị H tham gia chơi phường cùng ông S và ông S chưa bao giờ gặp anh để đòi tiền gì.

Nay ông S khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả tiền phường, anh không đồng ý trả số tiền này cùng chị H.

Tại phiên tòa hôm nay ông S rút yêu cầu của ông S buộc anh trả cùng chị H anh đồng ý và không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 15, Điều 17, Điều 18; Điều 20, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn **Nguyễn Văn S**: Buộc chị **Lê Thị H** có nghĩa vụ trả cho ông **Nguyễn Văn S**, bà **Nguyễn Thị L** số tiền 27.500.000 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, thì hàng tháng người có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền chậm thi hành án.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S đối với yêu cầu anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả tiền phường còn nợ.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí DSST. H1 lại cho ông Nguyễn Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hụi, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán nợ phường, hụi và bị đơn có nơi cư trú tại huyện H, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng phường, hụi, họ*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về pháp luật áp dụng:* Căn cứ quy định của Bộ luật dân sự hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[3] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Ông S xác định là chủ phường, tháng 3/2022 âm lịch ông tổ chức cho 17 người chơi phường, trong đó có chị Lê Thị H tham gia chơi 01 xuất, số tiền chơi phường hàng tháng là 5.000.000 đồng, ai lấy tiền phường trước thì phải đóng cho người lấy sau là 5.500.000 đồng. Chị H là người lấy thứ hai và đã đóng được 12 xuất/17 xuất phường, từ tháng 4/2023 chị H không đóng tiền phường cho ông S, tổng số tiền chị H chưa đóng cho ông S là 27.500.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay chị H thừa nhận còn nợ ông S 05 xuất phường là 27.500.000 đồng và đồng ý trả cho ông S số tiền là 27.500.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông S rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông không yêu cầu anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới cùng chị H trả cho ông.

Do ông Nguyễn Văn S rút yêu cầu này do vậy cần căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với việc rút một phần yêu cầu này.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S,

buộc bị đơn chị **Lê Thị H** trả cho ông **Nguyễn Văn S**, bà **Nguyễn Thị L** số tiền nợ phường là 27.500.000 đồng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 15, Điều 17, Điều 18; Điều 20, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn S** được chấp nhận, bị đơn chị **Lê Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả ông **Nguyễn Văn Sinh t** tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 15, Điều 17, Điều 18; Điều 20, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn **Nguyễn Văn S**: Buộc chị **Lê Thị H** trả cho ông **Nguyễn Văn S**, bà **Nguyễn Thị L** số tiền 27.500.000 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, thì hàng tháng người có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền chậm thi hành án.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn S** đối với yêu cầu anh **Nguyễn Văn Trọng liên đ** trả tiền cùng chị **H**.

2. **Án phí dân sự sơ thẩm**: Chị **Lê Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.375.000 đồng.

Hoàn trả ông **Nguyễn Văn S** số tiền số tiền 687.500 đồng theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0003730 ngày 15/01/2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa thu.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về hướng dẫn thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 *Luật Thi hành án dân sự* người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa,
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Tuấn